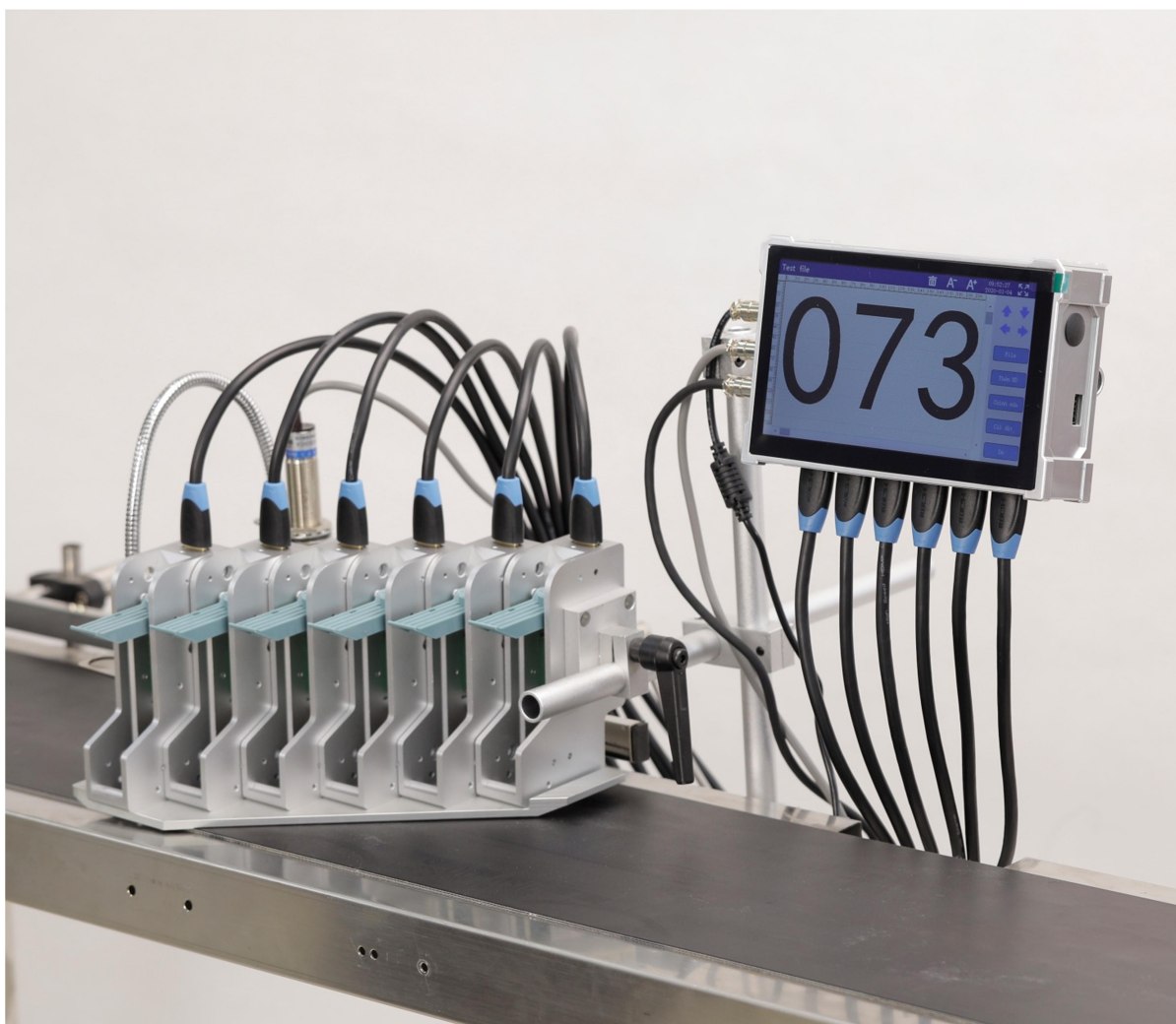


MÁY IN DATE THÔNG MINH D21A

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MÁY IN PHUN THÔNG MINH D21A



*Xin cảm ơn quý khách hàng đã sử dụng sản phẩm của Công ty máy in Inknova. Công ty chúng tôi sẽ cung cấp cho quý khách dịch vụ bảo hành tốt nhất, chu đáo nhất. Nếu trong quá trình sử dụng quý khách có nhu cầu trợ giúp về sản phẩm xin liên hệ với chúng tôi qua đường dây nóng **0969.68.69.11** để được hỗ trợ tốt nhất về kỹ thuật.*

MÁY IN PHUN DATE D21A

Kính gửi Quý khách hàng!

Hướng dẫn này chứa thông tin rất hữu ích về cách vận hành Máy in phun của bạn. Vui lòng đọc kỹ Hướng dẫn này. Phiên bản tài liệu này bao gồm hầu hết các thay đổi và mô tả trong đó tương ứng với các máy in được trang bị phiên bản phần mềm này.

Vì máy và các tùy chọn có thể được tùy chỉnh, sản phẩm giao cho bạn tùy thuộc vào đơn đặt hàng cụ thể của bạn. Vì vậy, một số mô tả hoặc minh họa có thể hơi khác so với thiết bị của bạn. Vì chúng tôi cần theo kịp tiến bộ công nghệ mới, chúng tôi có quyền đưa ra các thay đổi trong thiết kế và giải pháp kỹ thuật được áp dụng. Theo quan điểm trên, không có dữ liệu, hình minh họa hoặc mô tả nào được thực hiện. Nếu máy in của bạn được trang bị các tùy chọn không được mô tả hoặc minh họa trong Hướng dẫn hoặc nếu bạn có các truy vấn bổ sung sau khi đọc Hướng dẫn, vui lòng liên hệ với bất kỳ đại diện nào của công ty chúng tôi để biết thêm thông tin.

YÊU CẦU AN TOÀN!

Tất cả các nỗ lực đã được đưa vào thiết kế máy in này một cách cẩn thận và làm cho nó an toàn và đáng tin cậy. Tuy nhiên, hoạt động an toàn của thiết bị được điều

chính bởi nhận thức của người dùng và tuân thủ các quy tắc và biện pháp phòng ngừa an toàn sau đây.

Máy nên được vận hành bởi các nhân viên đã được đào tạo. Khuyến cáo rằng hoạt động của máy in được giám sát.

1. Không được vận hành thiết bị trong phòng có nguy cơ cháy nổ.
2. Không được in đè lên các sản phẩm có nhiệt độ vượt quá 100°C tại thời điểm in.
3. Không cho phép các thiết bị sản xuất lửa hoặc tia lửa trong khu vực nơi thiết bị hoạt động.
4. Dây cáp nguồn phải được kết nối với ổ cắm nơi sử dụng chân nối đất. Hiệu quả của tiếp đất phải tuân theo các tiêu chuẩn áp dụng. Ngoài ra, trong một số trường hợp, thiết bị đầu cuối nối đất của máy in cần được kết nối một cách thích hợp (theo hướng dẫn được đưa ra trong phần Kết nối).
5. Đầu ra của đầu phun không được hướng vào người, động vật hoặc vật vô tình trong thời gian hoạt động để tránh làm văng mực vào bất cứ ai hoặc bất cứ thứ gì.
6. Không nên sử dụng các bình nhựa để rửa vì chúng có tĩnh điện. Nên sử dụng các bình kim loại.
7. Không được để mực, dung môi, nước rửa (hoặc chất thải còn lại sau khi rửa đầu phun) trong các bình mở vì những chất lỏng dễ cháy này có thể bốc cháy từ các nguồn lửa vô tình.

Lưu ý khi sử dụng hộp mực khô nhanh

1. Luôn tắt nguồn máy trước khi lắp vào hoặc tháo hộp mực.
2. Nếu máy không sử dụng quá 20 phút, hãy tháo hộp mực ra khỏi máy và cố định bằng kẹp. **[Nhớ cất kẹp đi.]**
3. Do yêu cầu cụ thể của hộp mực, tốt nhất nên sử dụng hộp mực trong vòng 3 tháng sau khi mở và sử dụng.
4. Vì hộp mực khô nhanh, có thể xảy ra hiện tượng sọc hoặc mất vạch trong quá trình sử dụng. Điều này là bình thường.

5. Nếu xảy ra hiện tượng sọc hoặc mất vạch...

Phương pháp 1: Dùng khăn giấy mềm lau đầu in theo một hướng. **[Không sử dụng vật cứng để làm hỏng đầu in.]**

Phương pháp 2: Thay đổi độ phân giải dọc thành 300 trong menu Nâng cao, sau đó chuyển sang đầu in khác (trái hoặc phải) và truyền lại thông tin để in.

6. Nếu sử dụng mực trắng khô nhanh, hãy lắc mực trong 5-10 phút trước mỗi lần sử dụng. Nếu không, màu mực sẽ nhạt hơn. **[Cẩn thận không lắc quá mạnh.]**

THẬN TRỌNG!

Tĩnh điện được thu thập bởi mọi người (ví dụ như trên quần áo bằng nhựa hoặc trên tóc của họ) có thể phóng vào mực hoặc nước rửa khi chúng bị hở. Mực và chất tẩy rửa dễ cháy và có thể bắt lửa! Do đó, các bình mở chứa chất lỏng dễ cháy, phóng tĩnh điện bằng cách chạm vào vỏ máy in kim loại hoặc một vật kim loại khác được nối với trái đất.

Trong trường hợp tai nạn ...

'Khi xảy ra sự cố tràn mực hoặc dung môi, chất lỏng bị đổ phải được lau bằng một miếng vật liệu thấm nước và sau đó được xử lý tuân thủ các quy định về hỏa hoạn, sức khỏe và an toàn tại nơi làm việc (HSE).

'Nếu quần áo đã bị văng mực, hãy loại bỏ nó càng sớm càng tốt.

'Mắt hay da mắt có bị kích ứng không:

- MẮT cần được rửa sạch bằng nước chảy trong ít nhất 15 phút, sau đó bạn nên đi khám bác sĩ mắt.
- DA cần được rửa bằng nước và xà phòng.

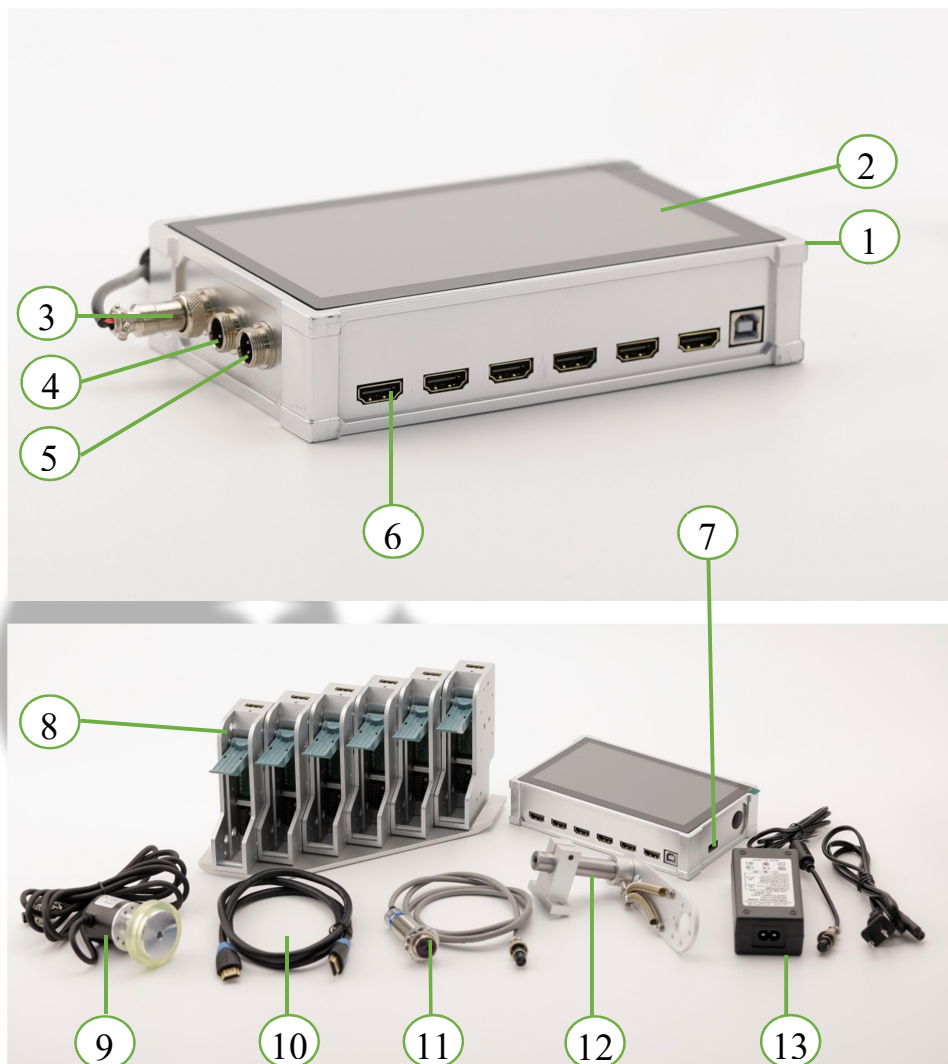
I. GIỚI THIỆU VỀ MÁY.

- **Máy in phun date D21A** thương hiệu Inknova được sản xuất tại Việt Nam và phân phối trên toàn quốc. Máy được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực **máy đóng gói, máy thực phẩm, máy dược phẩm và nhiều ngành công nghiệp khác**. Các sản phẩm của chúng tôi đều được kiểm tra kỹ lưỡng và vận hành thực tế để luôn đảm bảo chất lượng tốt nhất trước khi bàn giao thiết bị cho khách hàng.

1. Thông Số Kỹ Thuật

– Điện áp	Adapter: 220/50Hz
– Điều kiện môi trường	4 – 40 ⁰ C
– Độ ẩm	0 – 90% (không đọng sương)
– Chiều cao ký tự với một đầu in tiêu chuẩn	2 ~ 12.7 mm (1/2 inch). 2 ~ 25.4 mm (1 inch).
– Chiều cao ký tự	2-25,4mm (1 đầu in) tối đa 50 mm (với 2 đầu in) tối đa 75 mm (với 3 đầu in) tối đa 100 mm (với 4 đầu in) tối đa 125 mm (với 5 đầu in) tối đa 150 mm (với 6 đầu in)
– Số lượng dòng in với 1 đầu phun tiêu chuẩn	1 ~ 4 dòng (mức ½ inch). 1 ~ 6 dòng (mức 1 inch). Đa dòng và đa nội dung với nhiều đầu in
– Độ phân giải in	300DPI
– Hệ điều hành	Linux
– Bộ nhớ máy	Chip nhớ tích hợp
– Kết nối	Cảm biến quang, Encoder, HDMI, USB.
– Tốc độ in phun	max 70 m/ph
– Khoảng cách in	2 ~ 5 mm.
– Hướng in	bình thường, in ngược, in đảo ngược, đồ đảo ngược
– Ký tự in	Chữ tiếng Việt, số 0-9, ký tự (~ ' ! @ # \$ % ^ & * () _ - + = { [}] \ : ; ' " < , > . ? /). in số lô, ngày, tháng, thời gian thực. In QR, in mã vạch, in hình ảnh
– Font chữ in	Font chữ hệ thống của Linux
– Chất liệu in	giấy, nhựa, kim loại, thủy tinh, gỗ, ...

Các chi tiết bộ phận máy



Hình 1: Chi tiết máy in date D21A

- | | |
|-----------------------------|----------------------------------|
| 1. Thân màn hình chính | 2. Màn hình cảm ứng điện dung |
| 3. Vị trí cắm nguồn Adapter | 4. Vị trí cắm mắt quang điện |
| 5. Vị trí cắm Encoder | 6. Vị trí cắm dây HDMI (1~6) |
| 7. Vị trí cắm USB | 8. Đầu phun (1~6, tùy cấu hình). |
| 9. Encoder | 10. Dây HDMI |
| 11. Mắt quang điện | 12. Giá lắp Encoder |
| 13. Adapter | |

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRÊN MÀN HÌNH CẢM ỨNG



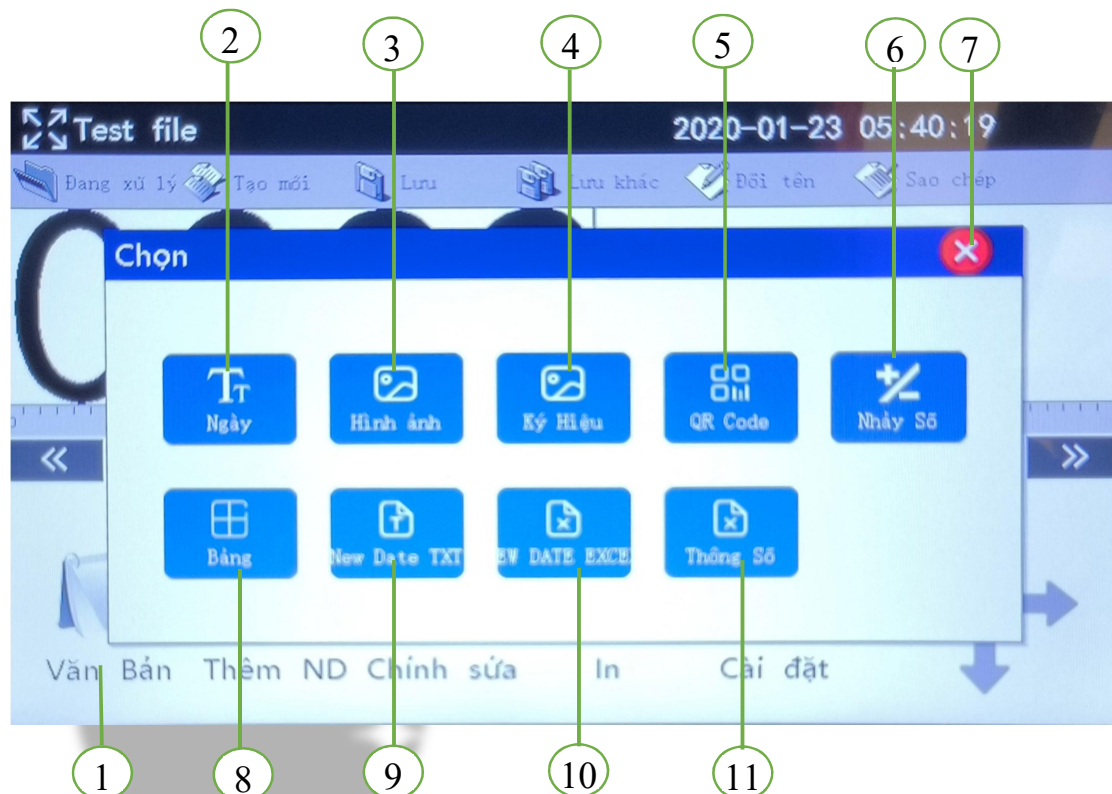
Hình 2: Giao diện màn hình chính của máy

1. Đang xử lý (Nút tải): Sử dụng để mở một file tài liệu đã được lưu trước đó.
2. Tên tệp tin đang hiển thị trên màn hình.
3. Nút tạo mới: Tạo một tài liệu mới.
4. Nút lưu: Lưu lại tài liệu hiện tại.
5. Nút lưu khác: Lưu nội dung tài liệu hiện tại với một tên khác.
6. Nút đổi tên: Đổi tên tiêu đề của tài liệu hiện tại.
7. Nút sao chép: Chép nội dung để đưa vào một tệp mới.
8. Văn bản: Nhập vào nội dung mới để in dạng văn bản (Xem mục văn bản bên dưới)
9. Thêm ND: Thêm nội dung cần lên bao gồm văn bản, hình ảnh, mã hoá, ...(hình 3).
10. Nút chỉnh sửa: Chỉnh sửa nội dung, nhấp vào vùng xem trước trên màn hình hiển thị, sau đó nhấn nút **“Chỉnh sửa”** để thực hiện thay đổi.

11. Nút in: Nhấp vào để bắt đầu in sau khi hoàn thành chỉnh sửa.
12. Nút cài đặt: Vào cài đặt hệ thống máy in.
13. Nút di chuyển sang trái (di chuyển nội dung chọn trên vùng xem trước)
14. Nút di chuyển xuống.
15. Nút di chuyển sang phải.
16. Nút di chuyển lên.
17. Vùng xem trước khi in. Bạn có thể di chuyển nội dung đã in bằng ngón tay hoặc bút stylus. Bạn có thể chỉnh sửa nội dung bằng nút chỉnh sửa.
18. Giảm cỡ chữ bằng một cú nhấp chuột, nhấn giữ để giảm nội dung được chọn.
19. Tăng cỡ chữ bằng một cú nhấp chuột, nhấn giữ để tăng nội dung được chọn.
20. Nút xoá: Xoá đối tượng đã được chọn.



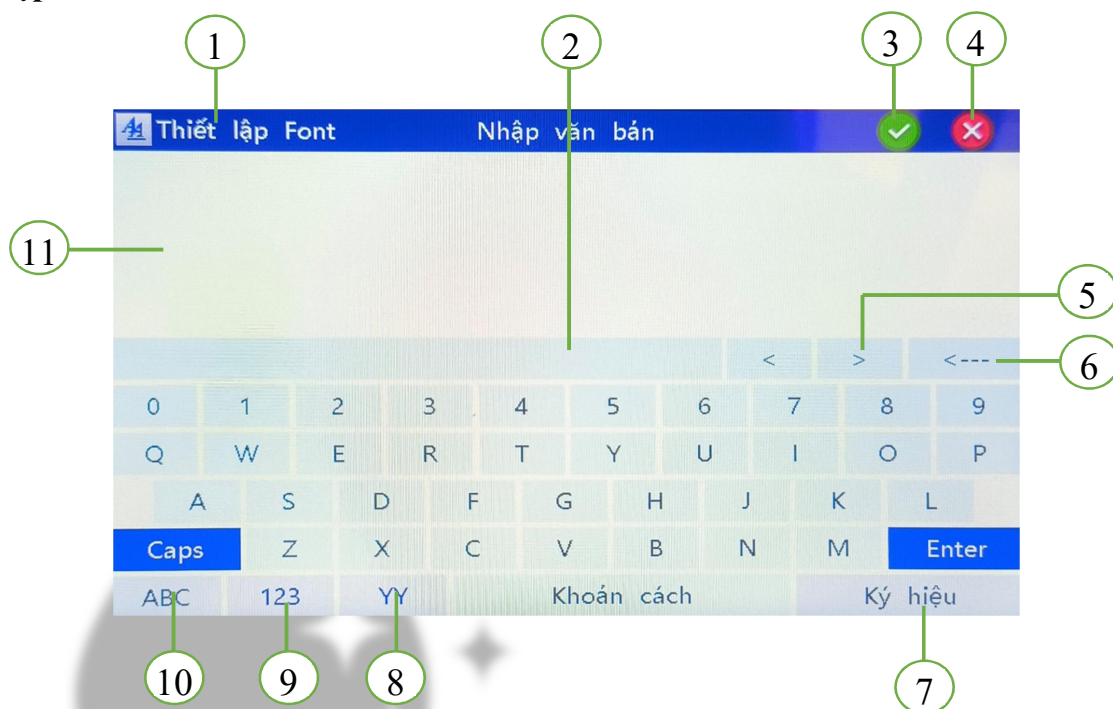
Thêm mới nội dung:



Hình 3: Lựa chọn loại dữ liệu cần nhập vào

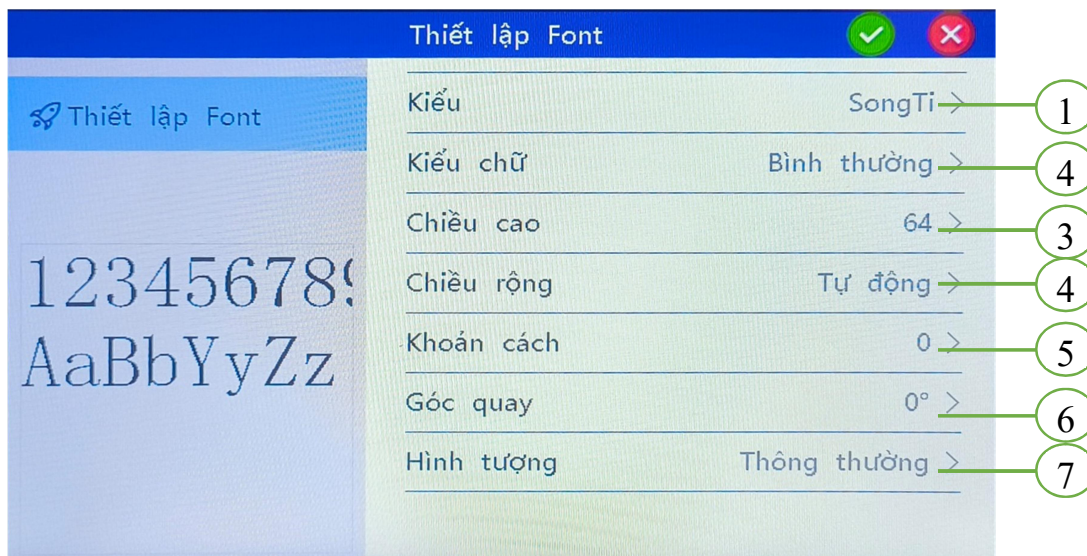
1. Nút văn bản: Nhấn vào để nhập văn bản cố định theo cần thiết (hình 4).
2. Ngày: Chèn một ngày biến đổi theo thời gian thực.
3. Hình ảnh: Nhập vào hình ảnh từ ổ đĩa USB.
4. Ký hiệu: Thêm một số ký hiệu có sẵn vào để in.
5. QR code: Chỉnh sửa mã vạch, QR, mã vạch biến đổi, QR biến đổi
6. Nhảy số: Chèn số series tự động thay đổi.
7. Thoát: Thoát mà không thêm nội dung.
8. Bảng tính: Chỉnh sửa bảng tính thủ công.
9. Tệp TXT: Hỗ trợ tệp TXT dữ liệu từ bên ngoài.
10. Tệp XLS: Hỗ trợ in tệp bảng tính XLS từ bên ngoài.
11. Thông số: In thông tin thành nhiều phân đoạn.

Nhập văn bản:



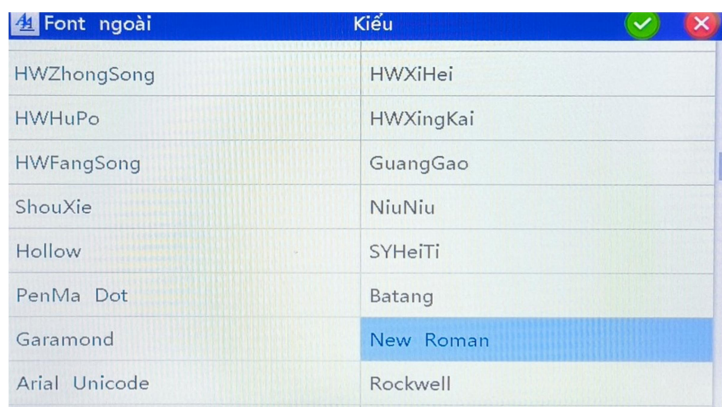
Hình 4: Giao diện nhập văn bản

1. Nút cài đặt font chữ: Cho phép bạn lựa chọn font chữ, cỡ chữ và nhiều hơn nữa (hình 5).
2. Khu vực đề xuất theo phương thức nhập liệu (ví dụ ở Tiếng Việt: Ư, Ơ, Ô, Ẫ, Ầ....)
3. Nút OK: Lưu thông tin và trở về giao diện chính (hình 1).
4. Nút thoát: Thoát khỏi giao diện nhập liệu và không lưu dữ liệu.
5. Nút chuyển trang đề xuất mục 2.
6. Phím xóa lùi: Xóa lùi từng ký tự.
7. Chèn các ký tự đặc biệt (hình 5d).
8. Thêm ngày / tháng / năm /giờ, ... biến đổi.
9. Thêm số series.
10. Chuyển đổi phương thức nhập liệu (thay đổi ngôn ngữ nhập liệu) (hình 5c).
11. Hộp nhập văn bản: Hỗ trợ tối đa 200 ký tự la tinh hoặc 100 ký tự tiếng Trung.

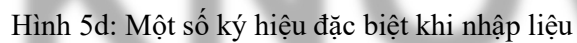
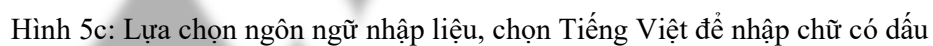


Hình 5: Màn hình chọn font chữ

1. Kiểu phông chữ: Có hơn 40 kiểu font chữ khả dụng để lựa chọn, hoặc có thể nhập font chữ bên ngoài từ USB (hình dưới).
2. Kiểu chữ: Chọn từ Bình thường, Solid (đơn), Dot Matrix. Lưu ý: Nếu đã chọn phông chữ Dot matrix thì không chọn kiểu chữ Dot Matrix.
3. Chiều cao: Đặt chiều cao chữ từ 16 – 200.
4. Chiều rộng: Đặt chiều rộng chữ từ 0 – 999. Chiều rộng bằng 0 được hiểu là chiều rộng và chiều cao bằng nhau.
5. Khoảng cách: Đặt khoảng cách giữa các ký tự, từ 0 – 99.
6. Góc xoay: 0 – 360 độ (xoay từng chữ)
7. Kiểu chữ: Bình thường, Nghiêng (Italic), đậm (Bold), Đậm nghiêng (Bold Italic)



Hình 5b: Lựa chọn font chữ hiển thị

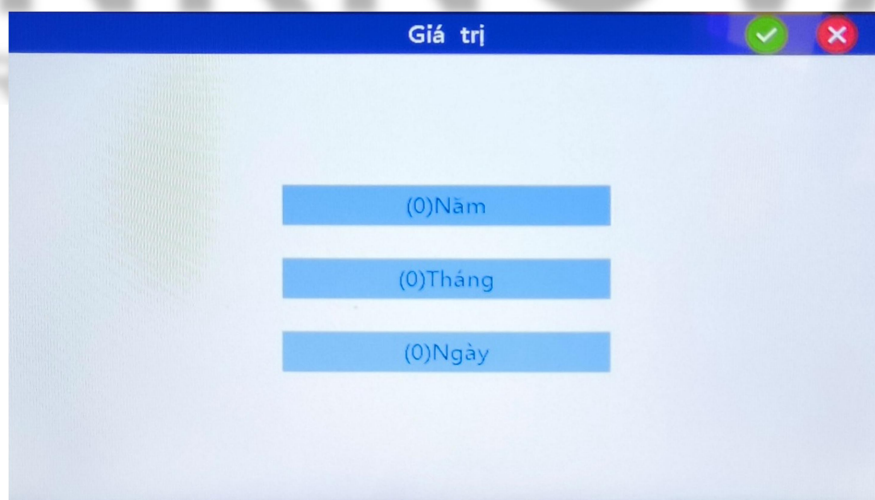


Thiết lập ngày tháng biến thiên:



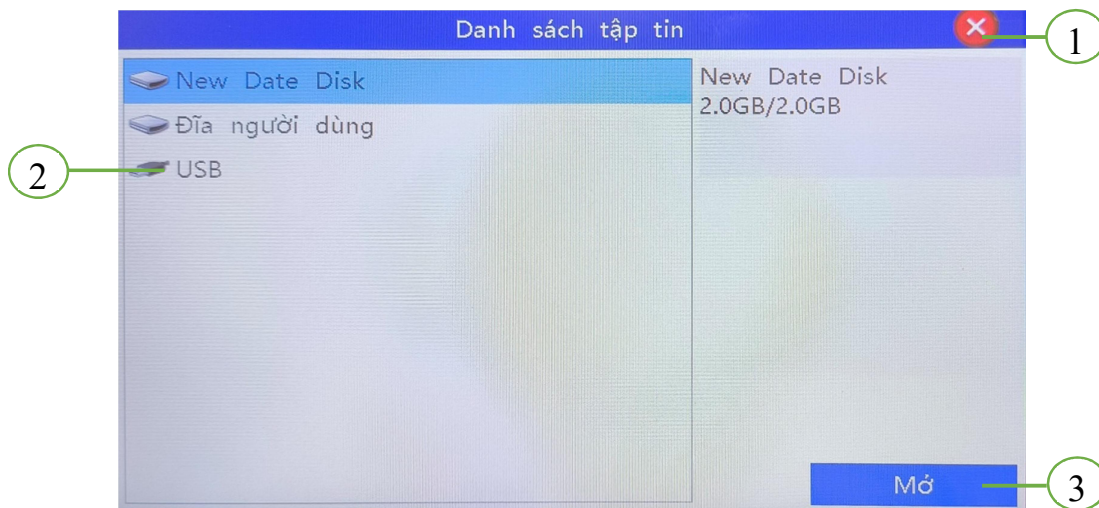
Hình 6: Màn hình nhập liệu ngày tháng biến đổi theo thời gian

1. Thiết lập font: Chọn font chữ hiển thị ngày tháng.
2. Chọn định dạng ngày/tháng/ năm hoặc theo ý tương ứng trên màn hình.
3. Nút OK: Xác nhận lưu và trở về màn hình chính (hình 2).
4. Nút thoát: Thoát về màn hình 2 và không lưu dữ liệu.
5. Giá trị: Thay đổi giá trị ngày tháng so với thời gian thực (hình 6b: thường dùng cho hạn sử dụng của sản phẩm)



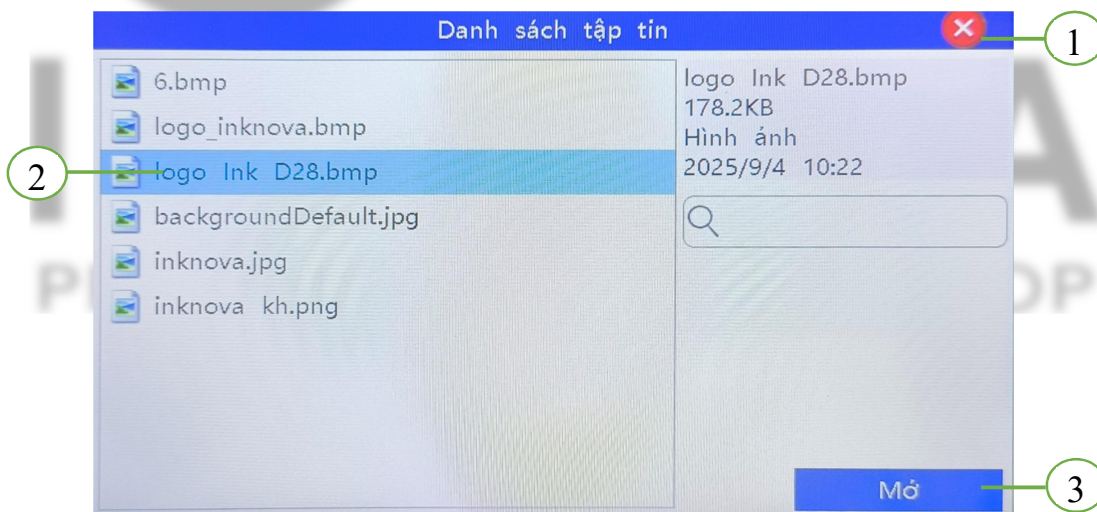
Hình 6b: Thay đổi giá trị so với thời gian thực

Thiết lập in hình ảnh, logo:



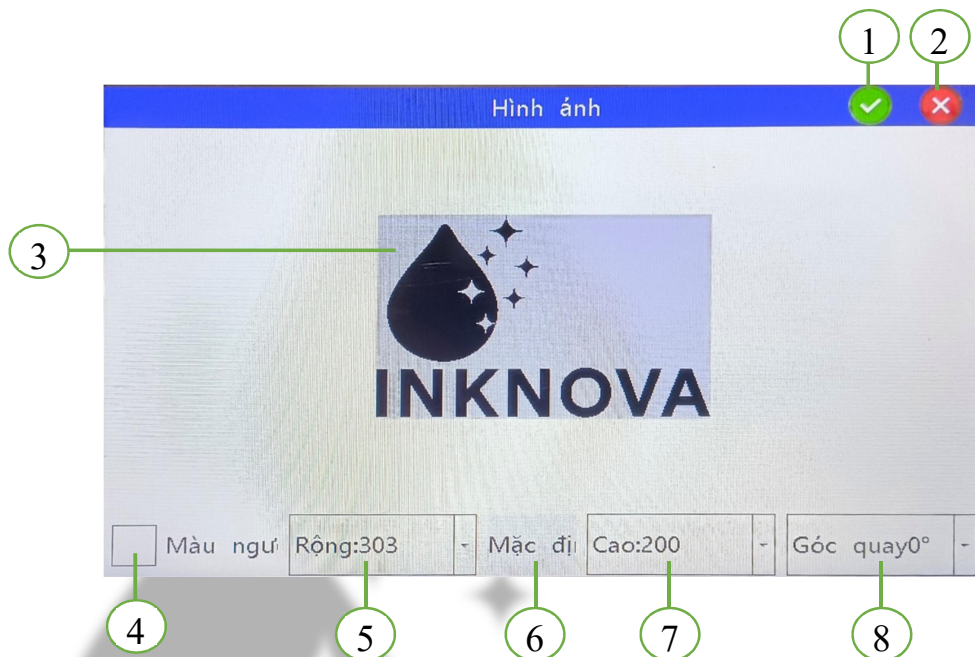
Hình 7: Nhập dữ liệu hình ảnh

1. Nút thoát: Thoát và không lưu dữ liệu.
2. USB: Nhấn chọn vào USB sau khi cắm ổ đĩa USB vào máy.
3. Mở: Nhấp để mở ổ đĩa USB (hình 7b)



Hình 7b: Chọn file hình ảnh dạng BMP từ USB

1. Nút thoát: Thoát và không lưu dữ liệu.
2. Lựa chọn một hình ảnh phù hợp dạng BMP.
3. Mở: Nhấp để mở hình ảnh lên (hình 7c)



Hình 7c: Điều chỉnh kích thước hình ảnh phù hợp

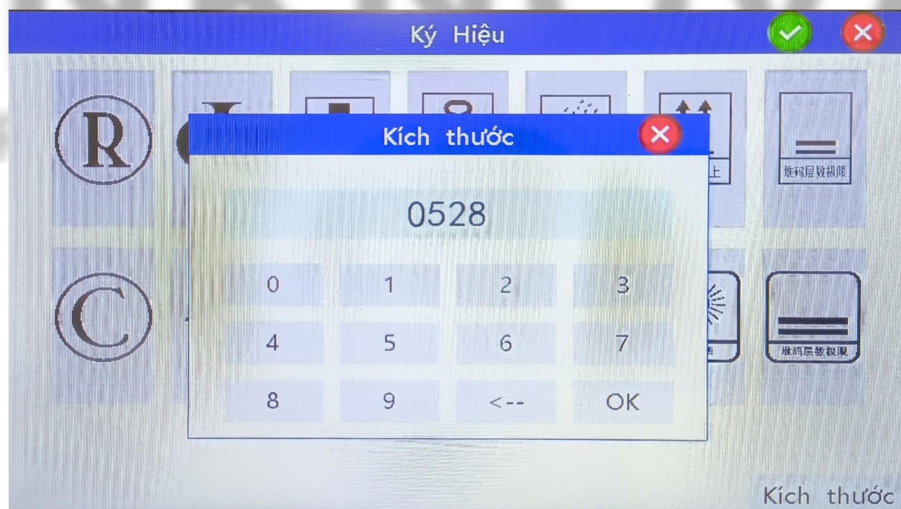
1. Xác nhận và lưu để nhập hình ảnh vào máy in.
2. Thoát và không nhập hình ảnh vào máy in.
3. Hình ảnh từ USB.
4. Nhấn chọn để in âm bản.
5. Điều chỉnh độ rộng hình ảnh
6. Điều chỉnh kích thước hình ảnh về mặc định.
7. Điều chỉnh chiều cao hình ảnh.
8. Xoay hình ảnh.

Thiết lập in một số ký hiệu có sẵn:



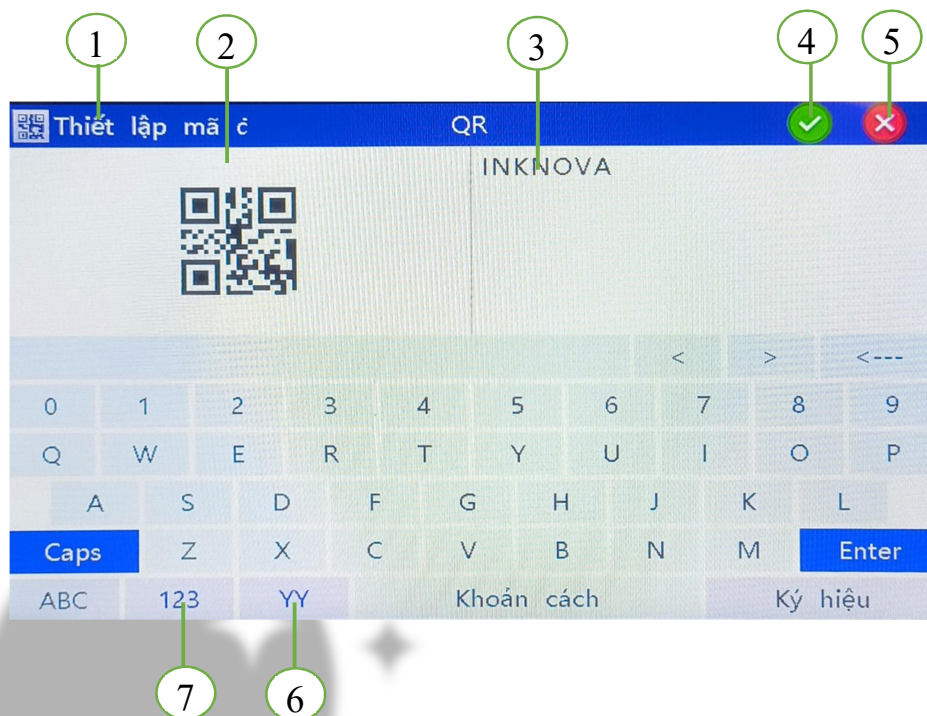
Hình 8: Một số ký hiệu sẵn có trên máy

1. Xác nhận và lưu để nhập ký hiệu vào máy in.
2. Thoát và không nhập hình ảnh vào máy in.
3. Một số các ký hiệu trên máy.
4. Kích thước: Nhấp vào và nhập kích thước độ lớn cần thiết để in (hình 8b).



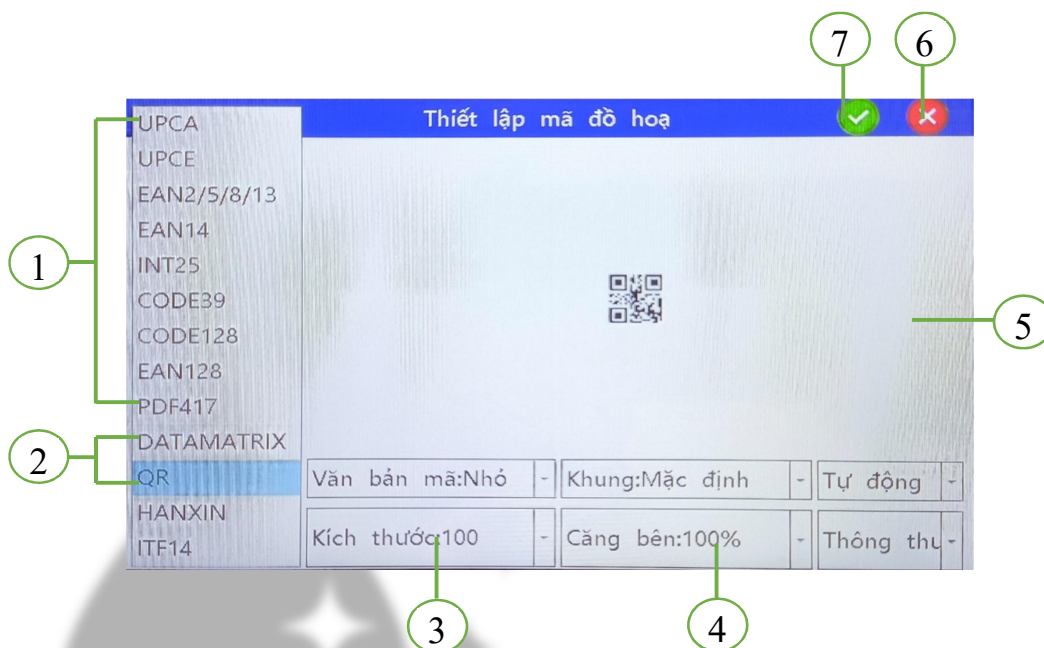
Hình 8b: Nhập kích thước các ký hiệu

Thiết lập mã QR:



Hình 9: Màn hình thiết lập mã vạch, mã QR

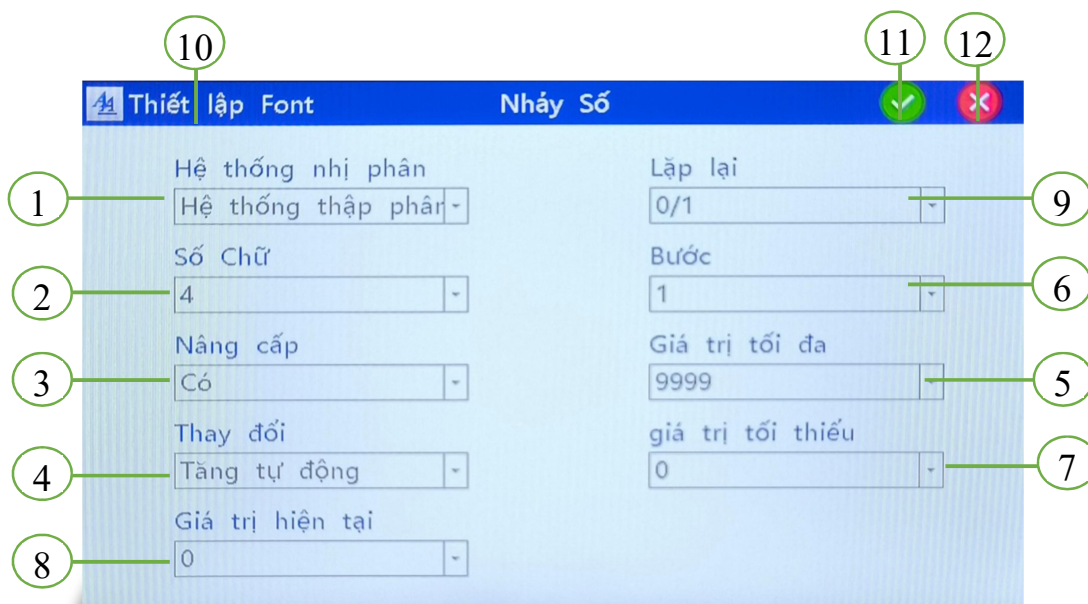
1. Cài đặt mã đồ họa: Thay đổi định dạng, kích thước và chiều rộng của mã vạch, mã QR (9b).
2. Xem trước hiển thị mã đồ họa.
3. Xem trước nội dung mã đồ họa.
4. Xác nhận và có lưu nội dung và trở về màn hình 2
5. Thoát về màn hình 2 không lưu.
6. Tạo mã đồ họa biến đổi từ ngày/tháng/năm biến đổi
7. Tạo mã đồ họa biến đổi từ số series.



Hình 9b: Lựa chọn các kiểu mã, kích thước

1. Mã vạch: Có nhiều loại mã vạch
2. Mã QR
3. Kích thước: Thiết lập chiều cao của mã vạch / mã QR.
4. Độ giãn ngang: Thiết lập chiều rộng của mã vạch / mã QR.
5. Khu vực hiển thị: Khu vực hiển thị mã vạch / mã QR
6. Thoát về màn hình 9 không lưu;
7. Xác nhận và có lưu nội dung và trở về màn hình 9

Thiết lập bộ đếm số series:



Hình 10: Nhập liệu số series

1. Cơ số: Chọn cơ số đếm để hiển thị mã đếm. Hỗ trợ hệ thập phân (hệ 10) và thập lục phân.
2. Số chữ số: Chọn số chữ số của bộ đếm, giá trị từ 1 ~ 9.
3. Nâng cấp (có số 0 đứng đầu): Chọn có để hiển thị số 0 phía trước ví dụ: 0004.
4. Thay đổi: Tăng hoặc giảm giá trị sau mỗi lần in.
5. Tối đa: Khi đếm đạt tối đa, nó sẽ tự động trở về tối thiểu và bắt đầu đếm lại.
6. Bước: Đặt 1 để tăng dần từng đơn vị.
7. Tối thiểu: Khi đếm đạt tối thiểu, nó sẽ tự động nhảy về tối đa và bắt đầu đếm lại.
8. Giá trị hiện tại: Đếm từ giá trị hiện tại cài đặt.
9. Đếm lặp lại: Số lần lặp lại sẽ in.
10. Phong chữ: Đặt kiểu font chữ cho số series.
11. Xác nhận và có lưu nội dung và trở về màn hình 1
12. Thoát về màn hình 1 và không lưu dữ liệu vừa cài.

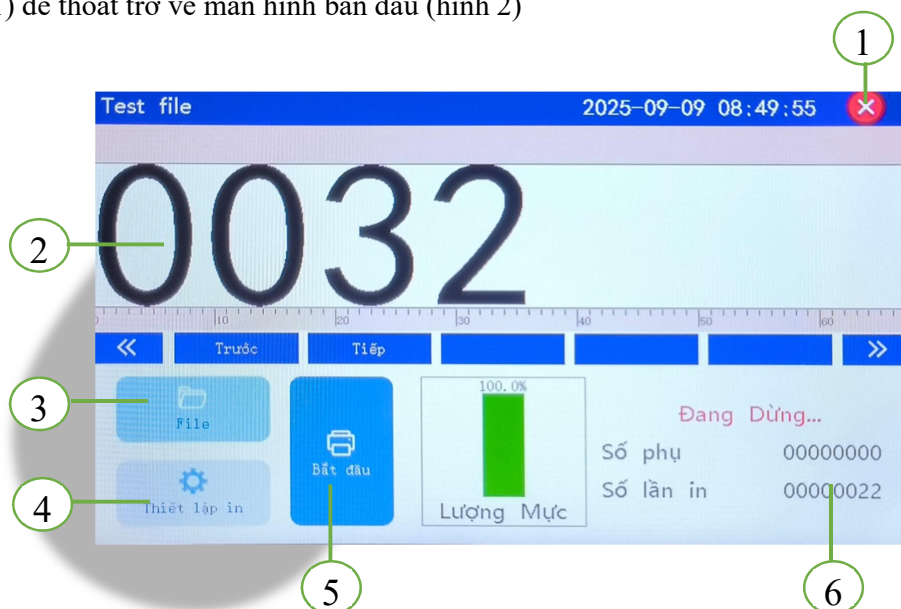
Bắt đầu in:

Trên màn hình chính của máy, nhấn nút in (11 – hình 2) để vào màn hình in (hình 11)

Trường hợp không cần thiết lập gì, nhấn nút (3) **“Bắt đầu”** để thực hiện in (hình 11).

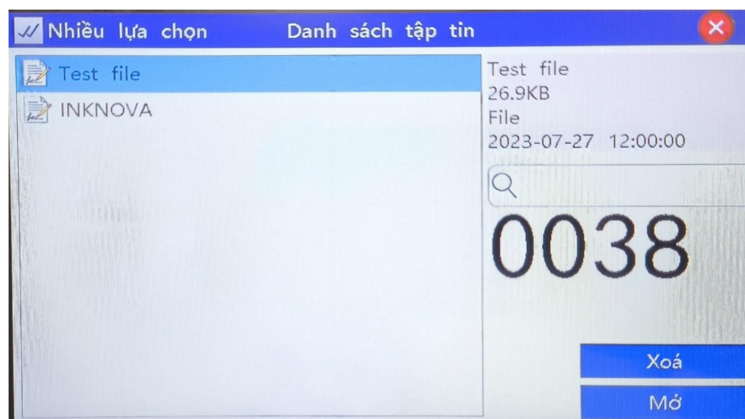
Trường hợp muốn thay đổi thông số, nhấn nút (4) **“thiết lập in”** để vào trang thiết lập (hình 12)

Nhấn (1) để thoát trở về màn hình ban đầu (hình 2)

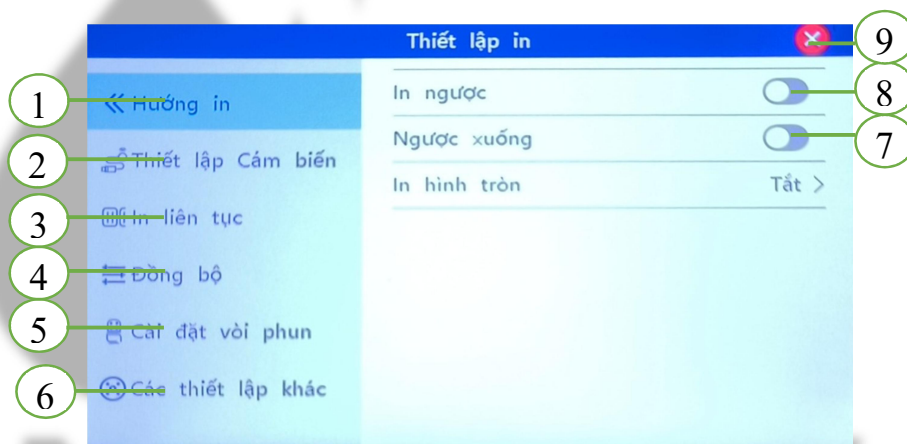


Hình 11: Trang vận hành in của máy

1. Thoát in và trở về màn hình 2.
2. Khu vực hiển thị nội dung in.
3. File: mở tệp cần in (Xem hình 11b)
4. Thiết lập in: Nhấn để vào trang thiết lập in hình 12.
5. Bắt đầu: Nhấn để bắt đầu thực hiện in theo cài đặt.
6. Bộ đếm: Hiển thị số sản phẩm đã in được trên máy.

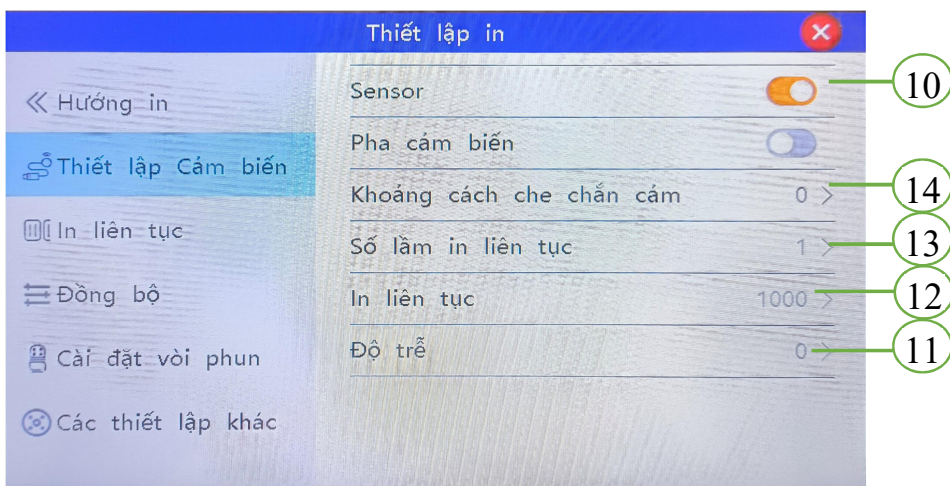


Hình 11b: Mở một file dữ liệu cần in.



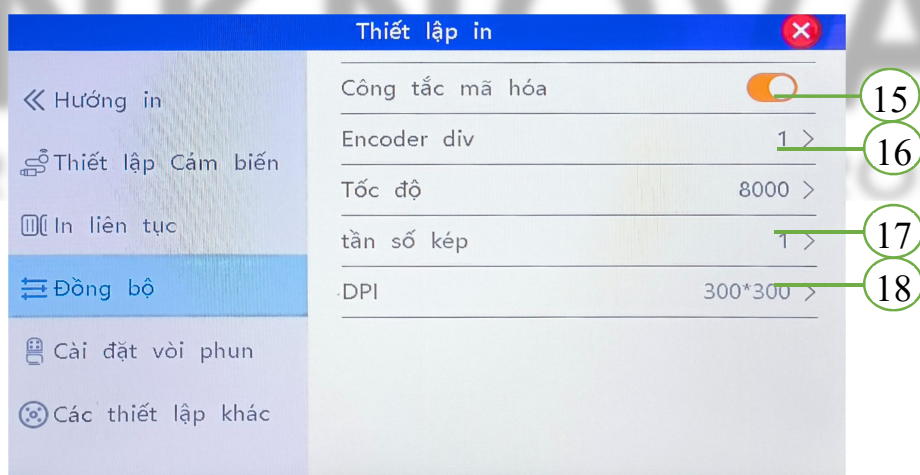
Hình 12: Thiết lập in, hướng in

1. Hướng in (thông thường in thuận từ trái sang phải).
2. Tín hiệu bắt đầu: Không chọn, sử dụng nút bấm, hoặc có thể chọn Cảm biến quang hoặc đặt khoảng cách và in liên tục theo thời gian sau lần phát lệnh đầu tiên (hình 12b).
3. Thiết lập cảm: Phát lệnh in khi gặp vật hoặc đảo ngược khi thoát khỏi vật.
4. Đồng bộ: Sử dụng Encoder trên máy hoặc tắt để chạy trên băng tải (hình 13)
5. Cài đặt vòi phun: (hình 14).
6. Các thiết lập khác sử dụng cài đặt âm thanh khi in (hình 15).
7. Bật ON (7): các ký tự sẽ bị in đảo ngược.
8. Bật ON (8): các ký tự in ngược từ phải qua trái.
9. Thoát khỏi cài đặt in để trở về màn hình máy in (hình 11).



Hình 12b: Thiết lập tín hiệu bắt đầu in

10. Công tắc quang điện: Khi bật, sau khi nhận được tín hiệu quang điện, quá trình in sẽ bắt đầu sau thời gian trễ quang điện. Khi tắt, công tắc quang điện sẽ không có tác dụng.
11. Độ trễ quang điện: Phạm vi từ 0 ~ 9999, được tính bằng mili giây.
12. Khoảng thời gian in liên tục: Phạm vi 0-50000. Chiều dài thực tế tối đa là khoảng 6 mét.
13. Số lần in liên tục: Phạm vi 1 – 9999, tính bằng lần, với 0 biểu thị là không giới hạn.
14. Công tắc thời gian: Điều khiển in liên tục, bộ mã hoá, hẹn giờ tắt. Điều khiển in phun bạn có thể chọn giữa in phun được điều khiển bằng bộ mã hoá (Encoder) hoặc có hẹn giờ.



Hình 13: Thiết lập đồng bộ encoder cho máy

15. Công tắc Encoder: Bật để đồng bộ tốc độ in với tốc độ quay của bộ mã hoá Encoder hoặc tắt để chạy theo in hẹn giờ.

16. Encoder div: Bộ nhân tần số mã hoá. Khi chế độ đồng bộ mã hoá bật, bộ nhân tần số này sẽ điều khiển bộ nhân tần số mã hoá, điều khiển độ dài tổng thể của bản in. Khi chế độ đồng bộ được hẹn giờ, bộ nhân tần số này sẽ điều khiển tốc độ in. Phạm vi 100-8000 đơn vị là lần/giấy.

17. Bộ nhân tần số đồng bộ. Tăng độ dài tổng thể của bản in.

18. DPI: Chọn độ phân giải cho hộp mực: 150x150 hoặc 300x300, chỉ số càng cao in càng đậm, sắc nét.

19. Lựa chọn vòi phun trái / phải. Hộp mực của máy có chế độ vòi phun kép. Thông thường sẽ chọn hoặc trái/ hoặc phải, nếu một vòi phun bị tắc thì sẽ sử dụng bên còn lại.

20. Lựa chọn mật độ in phun: Phạm vi từ 1-10 (bình thường – đậm 9). Thiết lập số lần phun mực trên cùng một điểm.

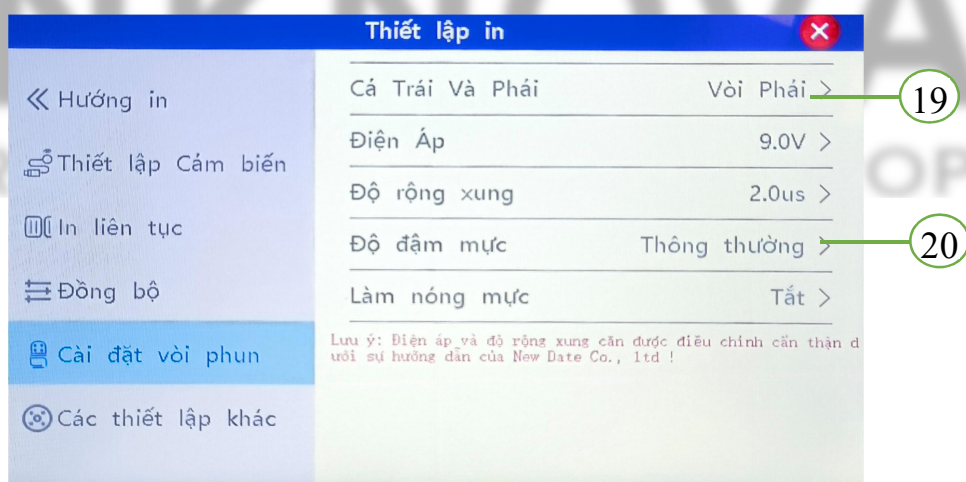
Ngoài ra, ở máy đa đầu phun, trong mục cài đặt còn có chế độ chọn đầu phun bao gồm: Chỉ vòi phun số 1, vòi phun số 1 và 2, và lựa chọn 3 ~ 6 đầu phun (xem hình 14d).

Khi máy dùng đa đầu phun, phần mềm giao diện của máy chính hình 2 sẽ có chút thay đổi để phù hợp hiển thị cho loại 6 đầu phun (xem hình 14f).

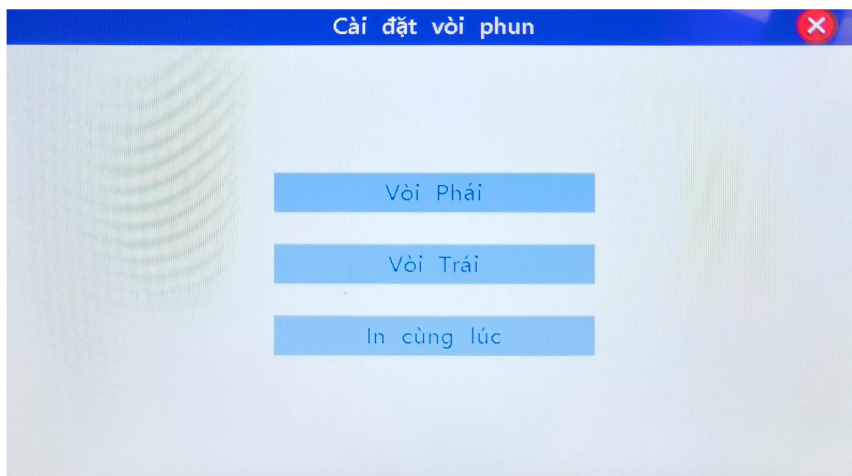
21. Lựa chọn số đầu in phun hoạt động cùng lúc.

22. Lựa chọn cách thực hiện in và phối hợp in giữa các đầu phun để đạt kết quả in chính xác (xem hình 14e).

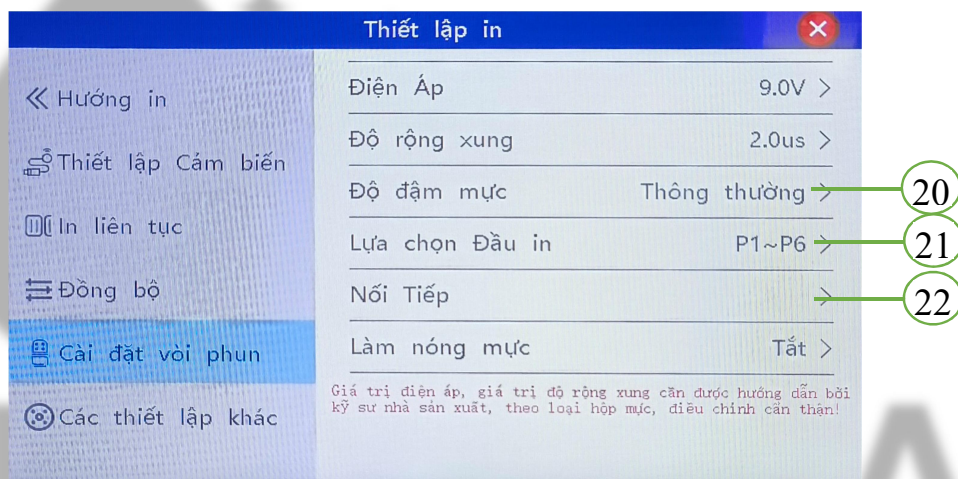
23. Cài đặt, bật tắt âm thanh (tiếng Bíp) phát ra trong một số trường hợp như Âm khởi động, âm kết thúc, âm bắt đầu in và kết thúc in (hình 15).



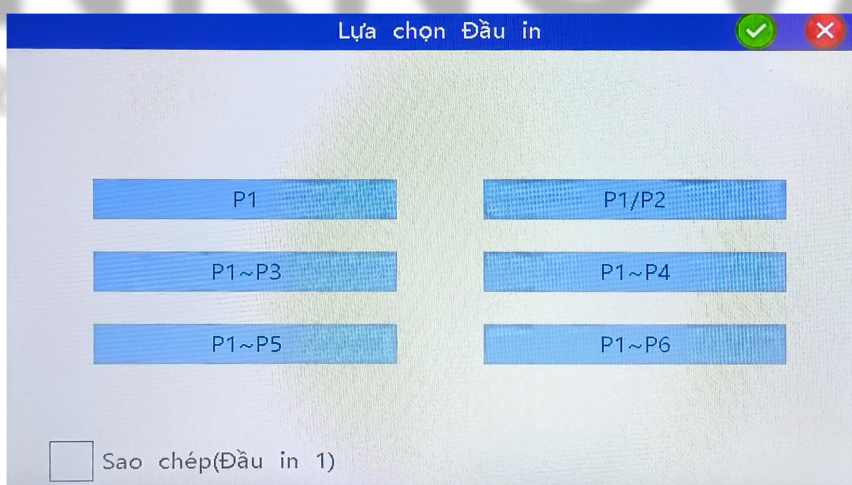
Hình 14: Thiết lập vòi phun



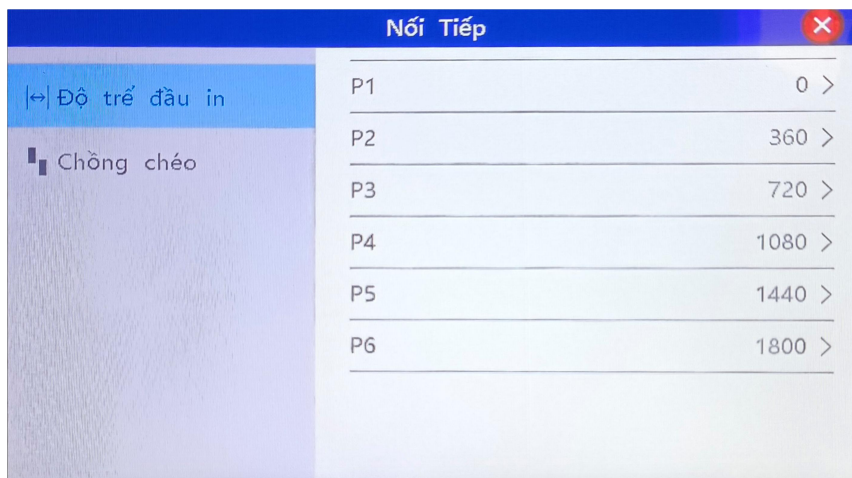
Hình 14b: Thiết lập vòi phun



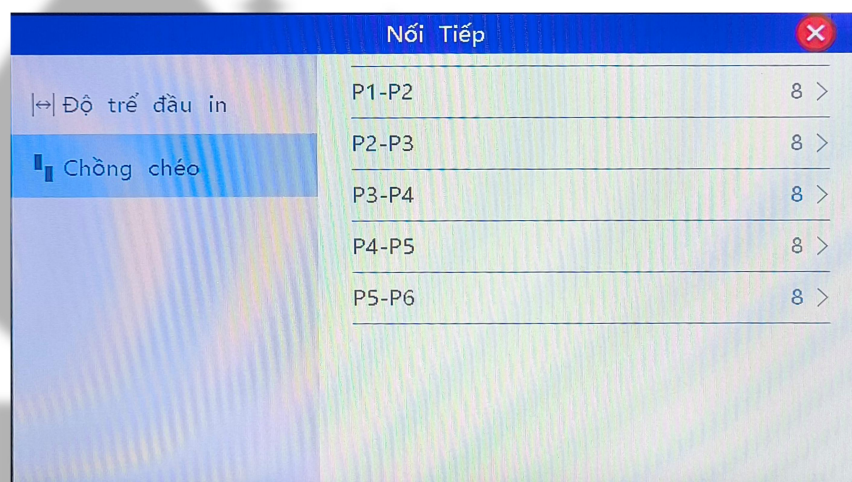
Hình 14c: Cài đặt vòi phun



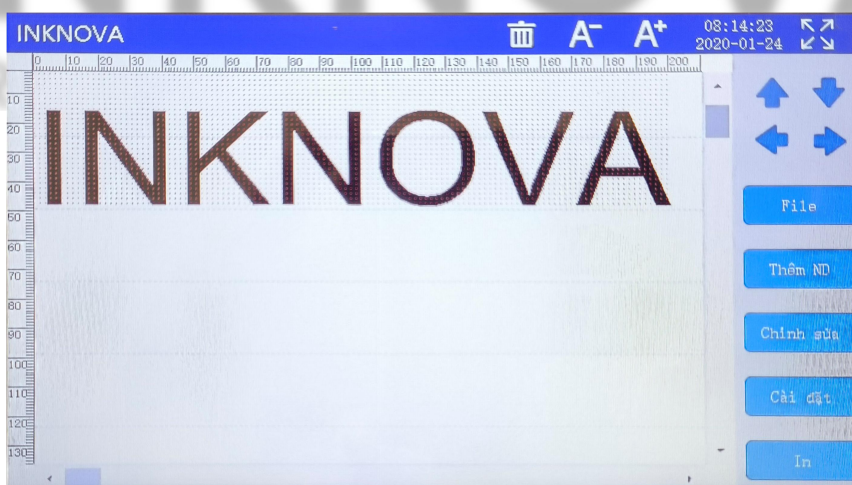
Hình 14d: Lựa chọn đầu phun



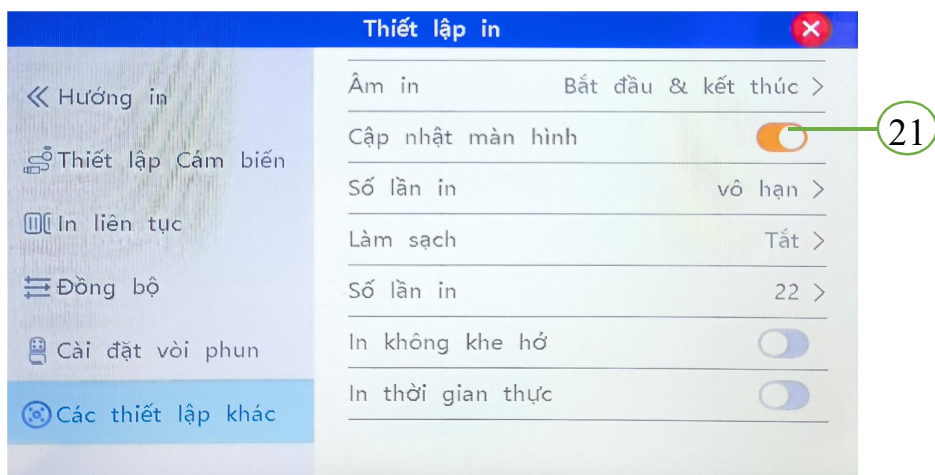
Hình 14e1: Lựa chọn độ trễ của đầu in để kết hợp in ra nội dung



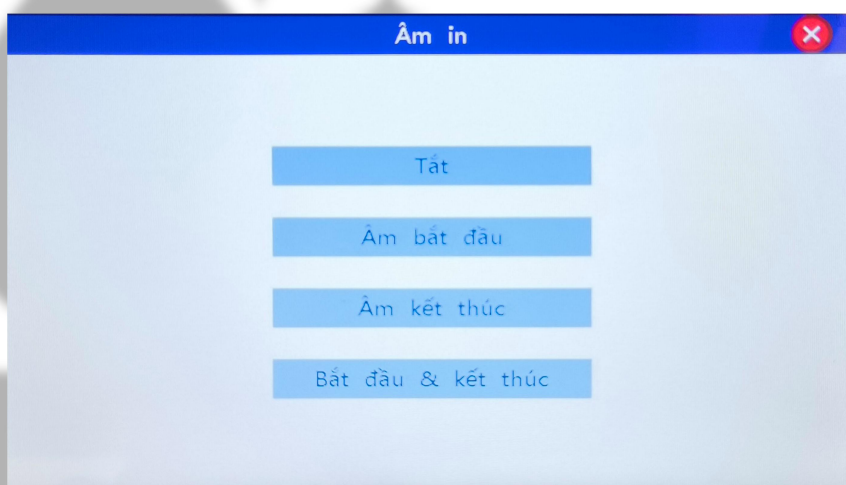
Hình 14e: Lựa chọn chế độ kết hợp đầu phun



Hình 14f: Giao diện màn hình với máy 6 đầu phun

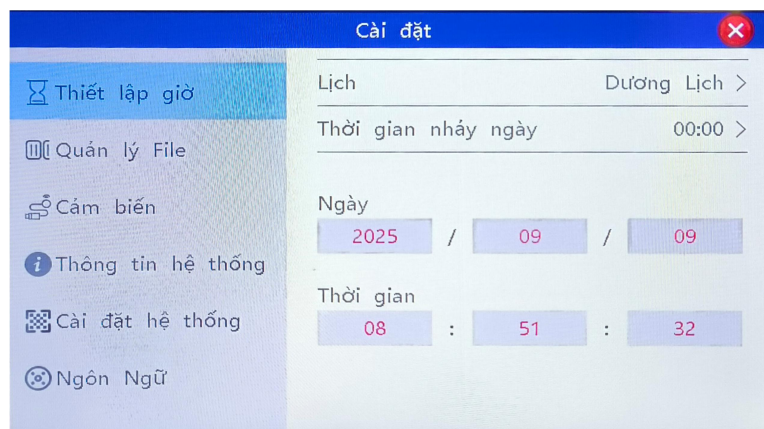


Hình 15: Các thiết lập khác

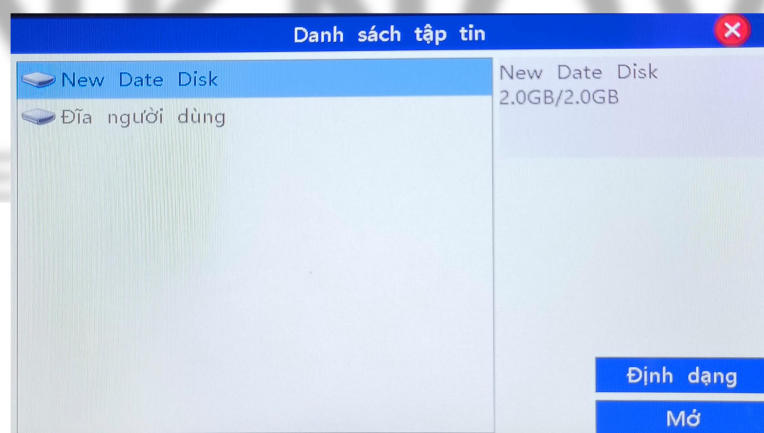
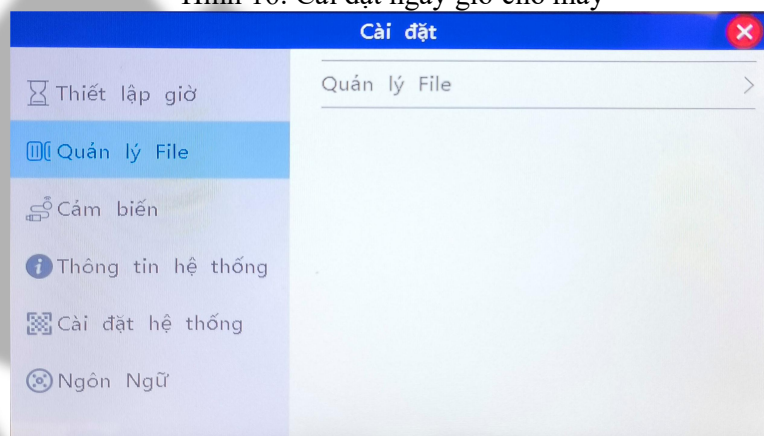


Hình 15b: Chọn bật/tắt âm thanh khi máy hoạt động

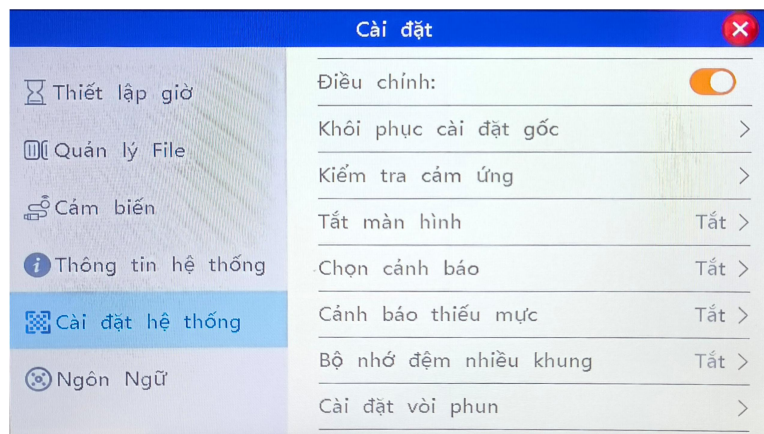
Cài đặt chung của máy:



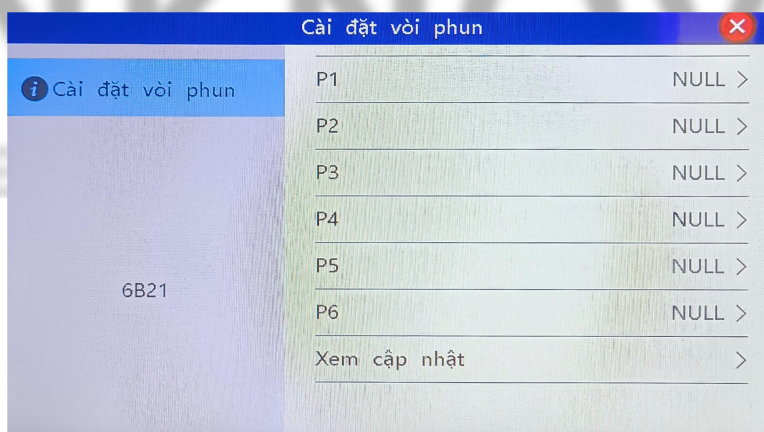
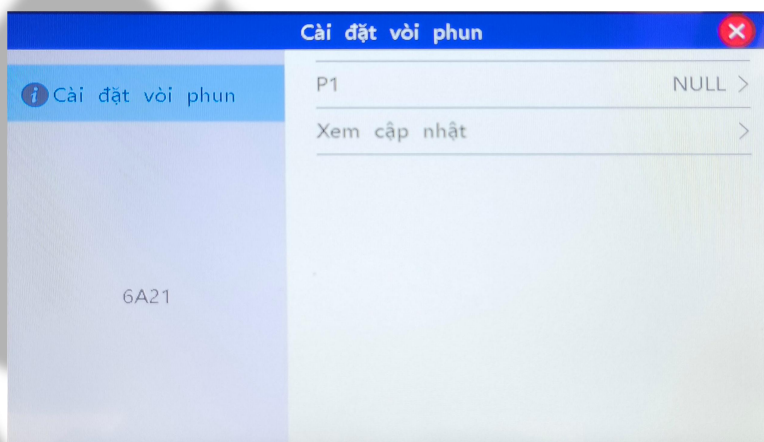
Hình 16: Cài đặt ngày giờ cho máy



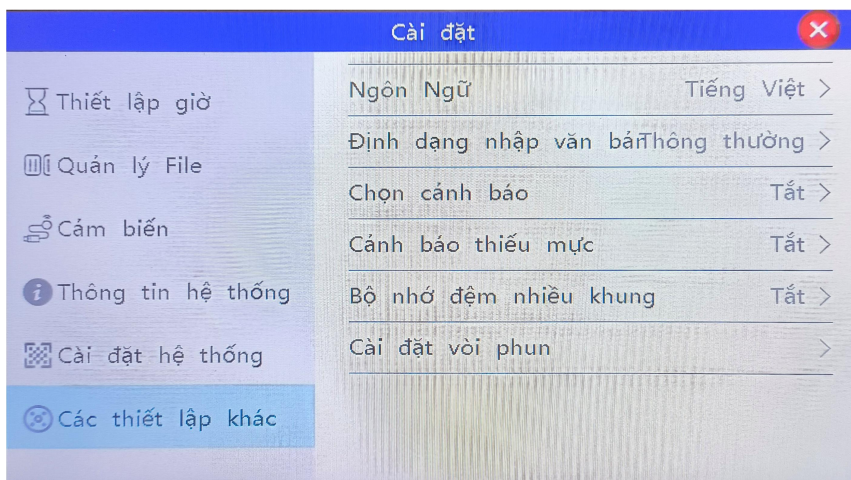
Hình 17: Kiểm tra và quản lý file in trên máy



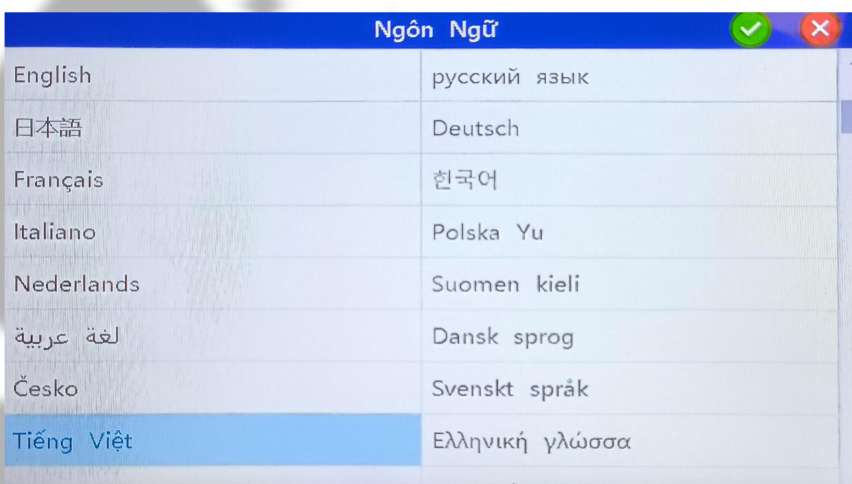
Hình 18: Cài đặt hệ thống



Hình 19: Cài đặt và cập nhật vòi phun theo thực tế chọn.



Hình 20: Cài đặt và chọn ngôn ngữ hiển thị cho máy



Hình 20b: Chọn Tiếng Việt hoặc 28 ngôn ngữ khác theo nhu cầu